

Số: /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại
không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan,
tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ
phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho
Việt Nam;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử
dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các
cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng
viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ
quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ
không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ
chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không
hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá
nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

c) Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không
hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá
nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Công an;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KNg.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trúc Sơn

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng 7
năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

3. Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Các khoản viện trợ phải được thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước đối với trường hợp vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; cơ quan chủ quản theo điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ là đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ ngay từ khi xây dựng hồ sơ tiếp nhận, trong quá trình triển khai thực hiện và kết thúc quyết toán phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết giữa Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ; chỉ được tiếp nhận, thực hiện, sử dụng các khoản viện trợ khi khoản viện trợ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Nguồn tiền viện trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp; không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Ngoài các nguyên tắc nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, việc quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ theo Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 4. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

Vốn chuẩn bị khoản viện trợ trong Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối với khoản viện trợ mà chủ khoản viện trợ là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm hoặc bổ sung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

Chương II LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Lập hồ sơ khoản viện trợ

1. Giao Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ thực hiện vận động, đàm phán, ký kết với Bên cung cấp viện trợ; lập hồ sơ, xây dựng Văn kiện dự án, phi dự án trình thẩm định, phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ theo quy định. Hồ sơ khoản viện trợ theo Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Nội dung Văn kiện dự án, phi dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ; văn bản cam kết viện trợ phải thể hiện các nội dung cơ bản theo

khoản 1 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản gốc và bản dịch tiếng Việt của tài liệu kèm theo phục vụ thẩm định.

3. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng, hồ sơ được lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng công trình.

Điều 6. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, chủ trì thẩm định khoản viện trợ

1. Giao Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ khoản viện trợ dự án, phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nơi tiếp nhận hồ sơ khoản viện trợ là Sở Tài chính thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc tại trụ sở Sở Tài chính, địa chỉ: số 88B - 88C, đường Võ Văn Kiệt, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

Văn kiện dự án, phi dự án phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết (nếu Bên cung cấp viện trợ đề nghị) và thực hiện.

1. Lấy ý kiến góp ý hồ sơ khoản viện trợ

a) Sau khi cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm định tiến hành gửi bộ hồ sơ khoản viện trợ đến Công an tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để lấy ý kiến.

Trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều địa phương (trên địa bàn 02 tỉnh) hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại địa bàn quản lý, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi lấy ý kiến của các địa phương và đơn vị có liên quan theo quy định.

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có văn bản góp ý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình theo quy định.

2. Sau khi nhận được góp ý của các đơn vị gửi lấy ý kiến, Sở Tài chính tiến hành đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định (thành phần, nội dung của hồ sơ...) theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ khoản viện trợ phù hợp theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định tiến hành thẩm định theo khoản 3 Điều này.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ hoặc nội dung hồ sơ khoản viện trợ chưa đảm bảo theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ khoản viện trợ theo Điều 5 Quy chế này rà soát, bổ sung, thuyết minh hoàn chỉnh theo các ý kiến đóng góp làm cơ sở phục vụ thẩm định theo quy định.

3. Thẩm định khoản viện trợ

a) Tùy vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Tài chính có thể tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến của các đơn vị tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ bao gồm thời gian lấy ý kiến. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

b) Đối với các khoản viện trợ khắc phục hậu quả theo khoản 10 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ không phải thực hiện lấy ý kiến và thẩm định khoản viện trợ, giao Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án; quyết định phê duyệt khoản viện trợ đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện. Nội dung Quyết định theo Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Sau khi khoản viện trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao chủ khoản viện trợ (chủ dự án) thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ trong thời gian 02 ngày làm việc. Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận đến chủ khoản viện trợ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định. Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ, trên cơ sở báo cáo của Sở Tài chính theo quy định.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ được quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Các khoản viện trợ trực tiếp cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và các khoản viện trợ khắc phục hậu quả, trừ các khoản viện trợ quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Các khoản viện trợ mà Bên tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bên tiếp nhận viện trợ, trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định phê duyệt điều lệ.

3. Các khoản viện trợ của các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp nhận.

4. Các khoản viện trợ của các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp khoa học và công nghệ có nơi đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ được quyền phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, trừ các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản viện trợ trở thành trường hợp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy chế này trong trường hợp việc thay đổi làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên.

3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khác, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của chủ khoản viện trợ (chủ dự án).

Sau khi khoản viện trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi bổ sung, quyết định phê duyệt đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện. Giao chủ khoản viện trợ thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Chương III QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 10. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Trường hợp dự án có quy mô vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở xuống không phải lập Ban quản lý dự án, các cơ quan, đơn vị sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để quản lý, điều hành thực hiện dự án, trừ trường hợp cần thiết do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án, dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trên cơ sở đề xuất của chủ khoản viện trợ, đồng thời phê duyệt kết thúc dự án theo quy định (sau khi chủ khoản viện trợ đã

báo cáo kết thúc dự án, báo cáo quyết toán dự án được phê duyệt và việc bàn giao tài sản đã hoàn thành).

3. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ chịu trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể:

a) Trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện dự án đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc tại các Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh để thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ theo quy định.

b) Thực hiện phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm, xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu trong trường hợp Bên tiếp nhận viện trợ thực hiện khoản viện trợ. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả chung của dự án và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức, quản lý thực hiện dự án, phi dự án.

d) Chịu trách nhiệm hạch toán, quyết toán, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận và sử dụng theo quy định hiện hành.

đ) Báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân các khoản viện trợ đúng thời gian và quy định. Kể từ khi kết thúc dự án, chậm nhất không quá 06 tháng chủ khoản viện trợ trình báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý.

4. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Ban quản lý dự án đại diện cho chủ dự án thực hiện các nhiệm vụ trong khuôn khổ dự án, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định của mình. Ban quản lý dự án phải mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc tại các Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh để thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

6. Bàn giao kết quả thực hiện viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

7. Trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện các khoản viện trợ thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 11. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ hoặc Ban quản lý dự án thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

a) Tài khoản vốn đối ứng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc thanh toán chi trả đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

b) Tài khoản vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước: Chủ dự án mở tài khoản tại các Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh để thực hiện việc thanh toán chi trả đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

c) Tài khoản vốn viện trợ: Chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc tại các Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh để thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ.

d) Trình tự, thủ tục mở tài khoản và việc quản lý, sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và quy định của các Ngân hàng thương mại (nếu có).

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, trong đó:

a) Đối với vốn chi đầu tư phát triển: Việc lập, tổng hợp, trình phê duyệt, giao và điều chỉnh kế hoạch vốn viện trợ không hoàn lại chi đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát là vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đối với vốn viện trợ không hoàn lại chi thường xuyên: Việc lập dự toán thu chi vốn viện trợ không hoàn lại hằng năm và điều chỉnh, bổ sung dự toán hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ:

a) Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

b) Các khoản viện trợ được bố trí vốn đối ứng khi khoản viện trợ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận và chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh hồ sơ dự án đúng theo quy định, trong đó nội dung Văn kiện và Quyết định phê duyệt tiếp nhận phân định rõ vốn đối ứng theo nguồn vốn đầu tư phát triển hoặc nguồn chi thường xuyên trong dự toán ngân sách hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Vốn đối ứng nêu tại Quy chế này được bố trí để cùng với nhà tài trợ thực hiện các khoản chi phí nêu tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, mức vốn đối ứng bố trí tối đa với tỷ lệ 30% trong tổng vốn của dự án hoặc khoản viện trợ phi dự án (tổng giá trị thực hiện). Trường hợp thỏa thuận giữa Bên tài trợ và Bên tiếp nhận tài trợ vượt quá tỷ lệ nêu tại khoản này thì Bên tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án, phi dự án; trong trường hợp đặc biệt, Bên tiếp nhận viện trợ thuyết minh lý do cụ thể, sự cần thiết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức vốn hỗ trợ để đối ứng vốn viện trợ nhưng không vượt quá 50% tổng vốn của dự án hoặc khoản viện trợ phi dự án.

c) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hằng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: Chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hằng năm.

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc

trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào kế hoạch vốn hằng năm hoặc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

7. Kiểm toán các khoản viện trợ thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

a) Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định trong Văn kiện dự án.

b) Đối với viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm toán độc lập theo yêu cầu của Bên cung cấp viện trợ (nếu có).

Điều 12. Quản lý tài sản viện trợ

1. Quản lý tài sản đối với tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Đối với tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận, phê duyệt kết thúc các khoản viện trợ theo thẩm quyền; đề xuất giao cơ quan chuyên ngành chủ trì tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

b) Tham gia góp ý kiến, thẩm định các khoản viện trợ theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định hiện hành; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện báo cáo 06 tháng, hằng năm về tình hình tiếp nhận, thực hiện, giải ngân khoản viện trợ gửi Bộ Tài chính theo quy định.

d) Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Giao Sở Tài chính làm cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Trực tiếp nhận hồ sơ khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án trình phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hằng năm theo từng nguồn vốn đầu tư phát triển hoặc nguồn vốn chi thường xuyên cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại theo Văn kiện dự án và Quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đúng theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, tình hình triển khai thực hiện, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý khoản viện trợ theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định. Xử lý các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền (nếu có).

d) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm; báo cáo định kỳ 06 tháng về tình hình thực hiện, giải ngân vốn viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

đ) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thực hiện và sử dụng viện trợ thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các khoản viện trợ.

b) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ; quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng khuôn khổ dự án. Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp cung cấp các thông tin liên quan và tham gia góp ý kiến, thẩm định các khoản viện trợ theo quy định.

d) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên lĩnh vực viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

4. Sở Nội vụ

a) Tham gia góp ý kiến, thẩm định các khoản viện trợ theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ theo khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quy chế này và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động cung cấp, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

c) Phối hợp, chủ trì phối hợp kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và quản lý sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ và các chủ dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các chủ khoản viện trợ; các Ngân hàng thương mại có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan khác trên địa bàn tỉnh

a) Chủ trì thực hiện công tác tiếp xúc, quan hệ, vận động, đàm phán, ký kết, tiếp nhận và sử dụng viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận và triển khai khoản viện trợ khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách và các nội dung khác có liên quan đến khoản viện trợ khi nhận được văn bản yêu cầu.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ.

d) Mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ, báo cáo tình hình tiếp nhận, giải ngân vốn viện trợ theo quy định.

đ) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 01 tháng 7 của năm báo cáo) và hằng năm (chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi Sở Tài chính để tổng hợp. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các khoản viện trợ đã có văn bản chấp thuận tiếp nhận viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì tiếp tục thực hiện theo trình tự thủ tục quy định; các khoản viện trợ chưa được phê duyệt tiếp nhận thực hiện theo quy định tại Quy chế này, trong quá trình thực hiện trường hợp có điều chỉnh chủ khoản viện trợ và các đơn vị có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP

ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, Quy chế này và các quy định có liên quan.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.